

PHAN
VĂN
HÙNG

Digitally signed by PHAN VĂN HÙNG
DN: C=VN, S=Hà Nội, L=Số 54 Trần Nhân
Tông, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà
Trung, Thành phố Hà Nội, Việt Nam,
O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
VINACONTROL, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN VINACONTROL, T=Phó Tổng
Giám Đốc, CN=PHAN VĂN HÙNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=CNND:
04065020365,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100107772
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-03-26 13:47:23
Foxit Reader Version: 9.4.1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	12 - 39

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 6 năm 2005. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Giám định thương mại: Giám định quy cách, phẩm chất, tình trạng, số khối lượng bao bì, ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa; Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; Thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng; Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; Giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa; Giám định tổn thất; Đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- ▶ Giám định/thử nghiệm theo yêu cầu để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường; các dịch vụ thông quan;
- ▶ Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- ▶ Chứng nhận sản phẩm;
- ▶ Các dịch vụ có liên quan: Xông hơi khử trùng, thẩm định giá, giám định không phá hủy, kiểm tra kết cấu hàn các công trình, kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường, kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan, kiểm đếm, niêm phong cặp chì, dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- ▶ Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; Tư vấn về chất lượng hàng hóa; Tư vấn và thẩm định môi trường;
- ▶ Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- ▶ Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy; Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh sau:

<i>Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	Số 96, Yên Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	Số 80, Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	Số 11, phố Hoàng Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	Lô A6-A8 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch	
Ông Mai Tiến Dũng	Thành viên	
Ông Phan Văn Hùng	Thành viên	
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên	
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Ngọc Lợi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Phùng Tấn Phú	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên	
Ông Cao Quý Lân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Mai Tiến Dũng, Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đề ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc:



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 11941048/68429480

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 7 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phùng Mạnh Phú
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2598-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		155.511.641.469	153.823.002.271
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	64.413.210.711	72.516.519.219
111	1. Tiền		62.413.210.711	42.733.786.351
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	29.782.732.868
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.512.314.768	13.197.205.270
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	1.401.400.000	1.401.400.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(372.843.000)	(178.470.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	7.483.757.768	11.974.275.270
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.484.224.610	67.252.915.570
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	62.650.505.172	46.670.956.615
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	1.325.376.568	438.020.471
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	21.000.971.338	22.931.831.512
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(3.492.628.468)	(2.787.893.028)
140	IV. Hàng tồn kho		618.133.045	648.013.282
141	1. Hàng tồn kho		618.133.045	648.013.282
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		483.758.335	208.348.930
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	482.914.585	207.505.180
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		843.750	843.750
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		171.855.604.863	178.556.040.075
220	I. Tài sản cố định		79.949.974.572	84.840.485.570
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	66.616.249.092	71.451.777.659
222	Nguyên giá		173.954.154.309	167.839.520.372
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(107.337.905.217)	(96.387.742.713)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	13.333.725.480	13.388.707.911
228	Nguyên giá		15.398.110.878	14.798.110.878
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.064.385.398)	(1.409.402.967)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		266.597.996	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		266.597.996	300.000.000
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		72.830.000.000	73.530.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	72.080.000.000	72.080.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	1.050.000.000	1.050.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(300.000.000)	-
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	400.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		18.809.032.295	19.885.554.505
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	18.809.032.295	19.885.554.505
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		327.367.246.332	332.379.042.346

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		49.503.214.296	38.582.797.804
310	I. Nợ ngắn hạn		49.503.214.296	38.582.797.804
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	3.074.316.707	2.965.855.401
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	1.603.701.483	977.004.176
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	16.346.113.654	5.777.035.604
314	4. Phải trả người lao động		26.831.373.966	26.818.309.190
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.039.671.820	1.394.941.579
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	562.516.666	384.011.577
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	45.520.000	265.640.277
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		277.864.032.036	293.796.244.542
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	277.864.032.036	293.796.244.542
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		104.999.550.000	104.999.550.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		104.999.550.000	104.999.550.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(3.990.000)	(3.954.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		148.855.445.173	148.855.445.173
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		24.013.026.863	39.945.203.369
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		-	3.149.872.800
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		24.013.026.863	36.795.330.569
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		327.367.246.332	332.379.042.346

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Thu Thủy
Người lập

Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.1	434.589.708.108	365.103.659.932
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	21.1	434.589.708.108	365.103.659.932
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	341.987.674.418	287.654.551.638
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		92.602.033.690	77.449.108.294
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	20.015.111.534	20.432.337.817
22	7. Chi phí tài chính	23	787.670.710	160.366.894
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	24	33.925.288.974	23.828.429.510
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	38.383.476.717	32.778.105.481
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		39.520.708.823	41.114.544.226
31	11. Thu nhập khác		100.772.400	295.371.924
32	12. Chi phí khác		643.686.211	52.897.705
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		(542.913.811)	242.474.219
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		38.977.795.012	41.357.018.445
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	4.465.212.151	4.561.687.876
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		34.512.582.861	36.795.330.569

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng




Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		38.977.795.012	41.357.018.445
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất		12.200.600.431	12.326.212.847
03	Các khoản dự phòng		2.210.090.069	106.146.392
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(321.271.396)	(101.764.203)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(19.557.005.967)	(19.835.433.091)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33.510.208.149	33.852.180.390
09	Tăng các khoản phải thu		(18.283.970.754)	(732.853.775)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		29.880.237	(120.612.611)
11	Tăng các khoản phải trả		11.260.692.135	8.880.398.161
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		(60.940.687)	2.126.434.527
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.631.256.052)	(4.581.601.383)
17	Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh		(27.274.726.085)	(4.073.603.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(5.450.113.057)	35.350.342.309
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(6.522.256.937)	(10.630.048.494)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	181.818.182
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(11.974.275.270)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.474.000.000	7.409.794.739
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		24.302.875.967	16.594.414.909
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		23.254.619.030	1.581.704.066

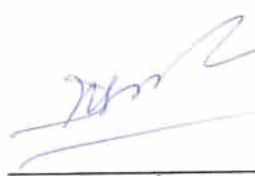
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	19.3	(26.203.007.463)	(12.594.743.040)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(26.203.007.463)	(12.594.743.040)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.398.501.490)	24.337.303.335
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		72.516.519.219	48.249.247.351
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		295.192.982	(70.031.467)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	64.413.210.711	72.516.519.219



Trần Thị Thu Thủy
Người lập



Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1758/2004/QĐ-BTM ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103008113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 1 tháng 6 năm 2005. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 12 năm 2024.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Giám định thương mại: Giám định quy cách, phẩm chất, tình trạng, số khối lượng bao bì, ký mã hiệu đối với mọi loại hàng hóa; Giám sát hàng hóa trong quá trình sản xuất, giao nhận, bảo quản, vận chuyển, xếp dỡ, giám sát quá trình lắp ráp thiết bị dây chuyền công nghệ; Thẩm định, tư vấn, giám sát công trình xây dựng; Giám định các phương tiện vận tải, container, các dịch vụ giám định về hàng hải; Giám định an toàn con tàu trước khi xếp hàng, phá dỡ hoặc sửa chữa; Giám định tổn thất; Đại lý giám định tổn thất, phân bổ tổn thất cho các công ty bảo hiểm trong và ngoài nước;
- ▶ Giám định/thử nghiệm theo yêu cầu để cung cấp chứng từ phục vụ công tác quản lý của Nhà nước thuộc các lĩnh vực như: xuất xứ hàng hóa; quản lý chất lượng; an toàn, vệ sinh hàng hóa; nghiệm thu, quyết toán công trình đầu tư; bảo vệ môi trường; các dịch vụ thông quan;
- ▶ Dịch vụ lấy mẫu, phân tích và thử nghiệm mẫu;
- ▶ Chứng nhận sản phẩm;
- ▶ Các dịch vụ có liên quan: Xông hơi khử trùng, thẩm định giá, giám định không phá hủy, kiểm tra kết cấu hàn các công trình, kiểm tra thiết bị và thiết bị đo lường, kiểm tra và lập bảng dung tích các loại bồn chứa, sà lan, kiểm đếm, niêm phong cạp chì, dịch vụ kiểm tra chất lượng hệ thống quản lý theo yêu cầu của khách hàng;
- ▶ Tư vấn, đánh giá, chứng nhận áp dụng hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn quốc tế; Tư vấn về chất lượng hàng hóa; Tư vấn và thẩm định môi trường;
- ▶ Dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
- ▶ Đo lường và lập bảng dung tích các phương tiện thủy; Hiệu chuẩn và kiểm định các thiết bị đo lường; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam và các chi nhánh sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hà Nội	Số 96, Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Hải Phòng	Số 80, Phạm Minh Đức, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Quảng Ninh	Số 11, phố Hoàng Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng	Lô A6-A8 đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 467 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 458).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3 công ty con) với chi tiết như sau:

<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Số 80 Bà Huyện Thanh Quan, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ giám định và phân tích, thử nghiệm mẫu
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	51%	51%	Số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ tư vấn và thẩm định về môi trường
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	51%	51%	Số 41 Nguyễn Thượng Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Cung cấp dịch vụ chứng nhận và kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty*

Công ty có Văn phòng tại trụ sở chính và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc ("Chi nhánh") như được trình bày tại Thuyết minh số 1.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh được lập cùng niên độ báo cáo tài chính tổng hợp và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính tổng hợp được thực hiện bằng cách cộng hợp các chỉ tiêu tương ứng của báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Chi nhánh.

Các giao dịch và số dư về thu hộ, chi hộ giữa Chi nhánh và Văn phòng Công ty được căn trừ toàn bộ theo từng chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính tổng hợp.

2.2 *Mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.5 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.6 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá cung cấp dịch vụ ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn dịch vụ đã cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như: dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 32,5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm có ảnh hưởng đáng kể được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.14 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này (nếu có) được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bù đắp các tổn thất tài chính của công ty trong tương lai.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ giám định và phân tích mẫu

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành, Công ty phát hành Chứng thư cho khách hàng và được xác nhận bởi khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên các công việc đã được thực hiện. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu phí sử dụng thương hiệu

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều khoản của hợp đồng về thu phí sử dụng thương hiệu.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp dịch vụ giám định và phân tích. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.406.722.470	3.442.552.280
Tiền gửi ngân hàng	58.006.488.241	39.291.234.071
Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	29.782.732.868
TỔNG CỘNG	64.413.210.711	72.516.519.219

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Trung với lãi suất 1,6%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0,5% đến 3,75%/năm).

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	27.000	540.000.000	(372.843.000)	27.000	540.000.000	(178.470.000)
Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam (*)	33.000	861.400.000	-	33.000	861.400.000	-
TỔNG CỘNG		1.401.400.000	(372.843.000)		1.401.400.000	(178.470.000)

(*) Công ty đang trong quá trình thu thập các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của giá trị đầu tư tại công ty này do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc hoặc kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, hưởng lãi suất từ 4,2% - 8%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 3,4% - 7,1%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.762.833.035	4.388.036.470
Phải thu từ khách hàng khác	57.887.672.137	42.282.920.145
TỔNG CỘNG	62.650.505.172	46.670.956.615
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.060.228.468)	(2.355.493.028)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Alpha Plus	407.000.000	-
Công ty TNHH Khoa học Kỹ thuật Hoàng Hà	195.492.000	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Du lịch Trâm An	199.736.000	129.736.000
Trả trước cho người bán khác	523.148.568	308.284.471
TỔNG CỘNG	1.325.376.568	438.020.471

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	3.561.340.939	-	2.907.167.052	-
Ký quỹ, ký cược	263.588.000	-	811.932.727	-
Phải thu ngắn hạn khác	3.055.812.399	-	206.901.733	-
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	14.120.230.000	(432.400.000)	19.005.830.000	(432.400.000)
TỔNG CỘNG	21.000.971.338	(432.400.000)	22.931.831.512	(432.400.000)

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.787.893.028	3.375.820.169
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	1.785.650.710	529.156.831
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(1.010.981.629)	(826.967.533)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(69.933.641)	(290.116.439)
Số cuối năm	3.492.628.468	2.787.893.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Nhiệt Điện Thái Bình	6.652.684.980	5.917.321.488	2.922.482.866	2.922.482.866
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Đồng Dương	775.820.686	387.910.342	770.714.554	770.714.554
Công ty TNHH sản xuất và TM Hà Dương Quảng	505.031.742	151.509.523	505.031.742	252.515.871
Công ty TNHH Xây dựng Hưng Hải	151.928.902	-	351.928.902	-
Các đối tượng khác	2.730.270.499	866.366.988	2.600.451.617	417.003.362
TỔNG CỘNG	10.815.736.809	7.323.108.341	7.150.609.681	4.362.716.653

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	439.914.585	207.505.180
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	43.000.000	-
TỔNG CỘNG	482.914.585	207.505.180
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	16.665.644.028	17.261.099.524
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.143.388.267	2.624.454.981
TỔNG CỘNG	18.809.032.295	19.885.554.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	62.302.581.551	79.005.313.710	23.327.155.885	3.204.469.226	167.839.520.372
- Mua trong năm	372.461.738	5.515.365.022	160.000.000	66.807.177	6.114.633.937
Số cuối năm	62.675.043.289	84.520.678.732	23.487.155.885	3.271.276.403	173.954.154.309
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	10.050.874.082	28.252.571.975	10.844.913.029	2.932.923.771	52.081.282.857
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	29.676.363.783	48.401.839.793	15.230.452.908	3.079.086.229	96.387.742.713
- Khấu hao trong năm	2.379.317.959	6.783.948.682	1.717.369.383	69.526.480	10.950.162.504
Số cuối năm	32.055.681.742	55.185.788.475	16.947.822.291	3.148.612.709	107.337.905.217
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	32.626.217.768	30.603.473.917	8.096.702.977	125.382.997	71.451.777.659
Số cuối năm	30.619.361.547	29.334.890.257	6.539.333.594	122.663.694	66.616.249.092

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	10.706.823.678	4.091.287.200	14.798.110.878
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	600.000.000	600.000.000
Số cuối năm	10.706.823.678	4.691.287.200	15.398.110.878
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	528.600.000	528.600.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	79.769.378	1.329.633.589	1.409.402.967
- Hao mòn trong năm	18.305.784	636.676.647	654.982.431
Số cuối năm	98.075.162	1.966.310.236	2.064.385.398
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	10.627.054.300	2.761.653.611	13.388.707.911
Số cuối năm	10.608.748.516	2.724.976.964	13.333.725.480

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty con	72.080.000.000	(300.000.000)	71.780.000.000	72.080.000.000	-	72.080.000.000	
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	68.000.000.000	-	68.000.000.000	68.000.000.000	-	68.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	1.530.000.000	(300.000.000)	1.230.000.000	1.530.000.000	-	1.530.000.000	
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	2.550.000.000	-	2.550.000.000	2.550.000.000	-	2.550.000.000	
Đầu tư vào công ty liên kết	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	1.050.000.000	-	1.050.000.000	1.050.000.000	-	1.050.000.000	
TỔNG CỘNG	73.130.000.000	(300.000.000)	72.830.000.000	73.130.000.000	-	73.130.000.000	

Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại các công ty nêu trên do các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

13.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 1.

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	35%	35%	35%	35%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107010836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 9 năm 2015. Công ty này có trụ sở chính tại số 54 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của đơn vị là cung cấp dịch vụ thẩm định giá và giám định.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	2.692.852.715	2.692.852.715	2.812.828.201	2.812.828.201
- Công ty TNHH Thương Mại Phát An	936.876.000	936.876.000	1.260.000.000	1.260.000.000
- Các nhà cung cấp khác	1.755.976.715	1.755.976.715	1.552.828.201	1.552.828.201
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	381.463.992	381.463.992	153.027.200	153.027.200
TỔNG CỘNG	3.074.316.707	3.074.316.707	2.965.855.401	2.965.855.401

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	301.877.727	197.410.335
ITOCHU Pulp & Paper Corporation	204.363.000	-
Người mua trả tiền trước khác	1.097.460.756	779.593.841
TỔNG CỘNG	1.603.701.483	977.004.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/đã khấu trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	2.458.773.481	36.308.494.760	(35.614.791.906)	3.152.476.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	988.422.615	4.465.212.151	(4.631.256.052)	822.378.714
Thuế thu nhập cá nhân	2.329.839.508	18.743.885.948	(8.702.466.851)	12.371.258.605
Các loại thuế khác	-	142.468.029	(142.468.029)	-
TỔNG CỘNG	5.777.035.604	59.660.060.888	(49.090.982.838)	16.346.113.654

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tiền thuê văn phòng	-	999.683.879
Chi phí hoa hồng môi giới	486.482.000	150.257.700
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	180.000.000	245.000.000
Chi phí vận chuyển	272.800.000	-
Chi phí phải trả khác	100.389.820	-
TỔNG CỘNG	1.039.671.820	1.394.941.579

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm, kinh phí công đoàn	283.432.127	147.085.573
Các khoản phải trả, phải nộp khác	279.084.539	236.926.004
TỔNG CỘNG	562.516.666	384.011.577

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	265.640.277	36.820.000
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 19)	24.195.863.369	5.475.423.277
Sử dụng quỹ trong năm	(24.415.983.646)	(5.246.603.000)
Số cuối năm	45.520.000	265.640.277

Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

		Đơn vị tính: VND	
		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
		Cổ phiếu quỹ	Tổng cộng
Năm trước		Vốn cổ phần đã phát hành	
Số đầu năm		104.999.550.000	275.075.804.450
- Lợi nhuận thuần trong năm		-	36.795.330.569
- Trích quỹ đầu tư phát triển		-	(15.278.058.568)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	(5.475.423.277)
- Cổ tức công bố		-	(12.599.467.200)
Số cuối năm		104.999.550.000	293.796.244.542
Năm nay			
Số đầu năm		104.999.550.000	293.796.244.542
- Lợi nhuận thuần trong năm		-	34.512.582.861
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)		-	(24.195.863.369)
- Cổ tức công bố (*)		-	(15.749.340.000)
- Tạm ứng cổ tức (**)		-	(10.499.555.998)
- Giảm khác		(36.000)	(36.000)
Số cuối năm		104.999.550.000	277.864.032.036

(*) Theo Nghị quyết số 073/ĐHĐCĐ-NQ ngày 23 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.

(**) Căn cứ theo kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 073/ĐHĐCĐ-NQ ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 170/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 9 năm 2024 phê duyệt việc tạm ứng cổ tức 10% năm 2024 (một cổ phiếu phổ thông được hưởng 1.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	-	-	31.500.000.000	31.500.000.000	-
Các cổ đông khác	104.999.550.000	104.999.550.000	-	73.499.550.000	73.499.550.000	-
Cổ phiếu quỹ	(3.990.000)	(3.990.000)	-	(3.954.000)	(3.954.000)	-
TỔNG CỘNG	104.995.560.000	104.995.560.000	-	104.995.596.000	104.995.596.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	104.999.550.000	104.999.550.000
Cổ tức đã công bố	26.248.895.998	12.599.467.200
Cổ tức đã trả	26.203.007.463	12.594.743.040

19.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	10.499.955	10.499.955
Cổ phiếu phổ thông	10.499.955	10.499.955
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(399)	(399)
Cổ phiếu phổ thông	(399)	(399)
Cổ phiếu đang lưu hành	10.499.556	10.499.556
Cổ phiếu phổ thông	10.499.556	10.499.556

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

19.5 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức cho năm 2022: VND 1.200/cổ phiếu	-	12.599.467.200
Cổ tức cho năm 2023: VND 1.500/cổ phiếu	15.749.340.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2024: VND 1.000/cổ phiếu	10.499.555.998	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	418.154	333.254
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.067.408.007	17.056.426.378

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	434.589.708.108	365.103.659.932
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ giám định	391.842.016.287	322.423.317.331
Doanh thu dịch vụ phân tích mẫu	19.261.975.739	21.283.365.679
Doanh thu từ phí sử dụng thương hiệu	21.222.754.228	19.637.295.558
Doanh thu khác	2.262.961.854	1.759.681.364
Giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	434.589.708.108	365.103.659.932
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	394.467.208.959	330.170.042.084
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	40.122.499.149	34.933.617.848

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.745.055.967	984.014.909
Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.811.950.000	18.669.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	458.105.567	778.722.908
TỔNG CỘNG	20.015.111.534	20.432.337.817

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.244.915.286	21.276.919.640
Chi phí nhân công	224.908.128.921	174.861.312.251
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ tiền thuê đất	11.299.487.020	11.122.554.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.077.776.207	40.124.448.000
Chi phí khác	36.457.366.984	40.269.317.175
TỔNG CỘNG	341.987.674.418	287.654.551.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	494.373.000	(132.894.000)
Chi phí tài chính khác	293.297.710	293.260.894
TỔNG CỘNG	787.670.710	160.366.894

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí hoa hồng dịch vụ	31.765.411.466	21.942.663.576
Chi phí bán hàng khác	2.159.877.508	1.885.765.934
	33.925.288.974	23.828.429.510
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	21.926.588.601	17.405.687.748
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	1.715.717.069	239.040.392
Chi phí khấu hao và hao mòn	901.113.411	1.203.658.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.701.016.127	10.498.829.332
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.139.041.509	3.430.889.733
	38.383.476.717	32.778.105.481
TỔNG CỘNG	72.308.765.691	56.606.534.991

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.244.915.286	21.276.919.640
Chi phí nhân công	246.834.717.522	192.266.999.999
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định và phân bổ tiền thuê đất	12.200.600.431	12.326.212.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.544.203.800	72.565.940.908
Chi phí khác	43.472.003.070	45.825.013.235
TỔNG CỘNG	414.296.440.109	344.261.086.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.465.212.151	4.561.687.876
TỔNG CỘNG	4.465.212.151	4.561.687.876

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.977.795.012	41.357.018.445
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	7.795.559.002	8.271.403.689
Các khoản điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	171.437.981	7.499.288
Điều chỉnh thuế TNDN theo Biên bản Thanh tra thuế	115.018.496	-
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.562.390.000)	(3.733.920.000)
(Giảm)/tăng khác	(54.413.328)	16.704.899
Chi phí thuế TNDN	4.465.212.151	4.561.687.876

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Các cá nhân liên quan	
Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Mai Tiến Dũng	Tổng giám đốc/Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên Hội đồng Quản trị đến ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Ngọc Lợi	Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Phùng Tấn Phú	Thành viên Hội đồng Quản trị từ ngày 23 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Cao Quý Lân	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 23 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 23 tháng 4 năm 2024

Các công ty liên quan có quan hệ kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể

Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	Công ty con
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Công ty con
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Công ty liên kết

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Giám định	Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.199.630.316	8.281.523.141
Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Mua dịch vụ	14.043.288.432	15.573.314.457
	Phí sử dụng thương hiệu	21.222.754.228	19.637.295.558
	Lợi nhuận được chia	16.040.000.000	17.297.600.000
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.157.075.017	6.560.747.348
	Cổ tức được chia	1.581.000.000	1.224.000.000
	Mua dịch vụ	630.210.200	694.524.033
	Góp vốn	-	510.000.000
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Doanh thu cung cấp dịch vụ	543.039.588	454.051.801
	Cổ tức được chia	68.250.000	126.000.000
	Mua dịch vụ	-	9.000.000
Ông Phan Văn Hùng	Tạm ứng	42.624.400.000	-
	Hoàn ứng	42.624.400.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ cho vay, cung cấp dịch vụ, sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản phải thu bên liên quan với tổng số trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 432.400.000 VND (31 tháng 12 năm 2023: 432.400.000 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i> (Thuyết minh số 6.1)			
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Cung cấp dịch vụ	3.289.989.980	2.572.780.860
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ	1.410.203.055	1.689.477.891
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Cung cấp dịch vụ	62.640.000	125.777.719
TỔNG CỘNG		4.762.833.035	4.388.036.470
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i> (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Cổ tức được chia	1.581.000.000	1.224.000.000
	Chi hộ	25.000.000	-
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Lợi nhuận được chia	11.940.000.000	17.297.600.000
	Chi hộ	65.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol	Cổ tức được chia	229.500.000	229.500.000
	Phải thu khác	254.730.000	254.730.000
	Chi hộ	25.000.000	-
TỔNG CỘNG		14.120.230.000	19.005.830.000
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 14.1)			
Công ty Cổ phần Chứng nhận và Kiểm định Vinacontrol	Mua dịch vụ	41.338.944	128.187.200
Công ty TNHH Giám định Vinacontrol thành phố Hồ Chí Minh	Mua dịch vụ	315.285.048	-
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol	Mua dịch vụ	24.840.000	24.840.000
TỔNG CỘNG		381.463.992	153.027.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương, thưởng và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Duy Chính	Chủ tịch HĐQT	1.395.514.899	979.936.843
Ông Mai Tiến Dũng	Tổng giám đốc/Thành viên HĐQT	1.348.261.277	919.147.102
Ông Phan Văn Hùng	Phó Tổng Giám đốc/Thành viên HĐQT	1.245.297.079	864.797.221
Bà Dương Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	558.753.398	96.000.000
Ông Phạm Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT từ ngày 23 tháng 4 năm 2024	64.000.000	-
Ông Lê Ngọc Lợi	Thành viên HĐQT từ ngày 23 tháng 4 năm 2024	48.000.000	-
Ông Phùng Tấn Phú	Thành viên HĐQT từ ngày 23 tháng 4 năm 2024	1.653.086.447	-
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT đến ngày 23 tháng 4 năm 2024	32.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy Ngân	Trưởng BKS	378.774.699	84.000.000
Ông Cao Quý Lân	Thành viên BKS từ ngày 23 tháng 4 năm 2024	30.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Minh	Thành viên BKS	30.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên BKS đến ngày 23 tháng 4 năm 2024	20.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG		6.803.687.799	3.159.881.166

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết hoàn trả mặt bằng

Công ty hiện hiện đang thuê đất tại Cụm công nghiệp Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm, Hà Nội với thời hạn là 41 năm kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2016. Theo hợp đồng thuê đất đã ký kết, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả lại khu đất này cho bên cho thuê nguyên trạng theo hiện trạng khi bàn giao và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến hoàn trả mặt bằng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Thu Thủy
Người lập

Lưu Ngọc Hiền
Kế toán trưởng



Mai Tiến Dũng
Tổng Giám đốc



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn